

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ở cấp huyện; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ

không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức Chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Xét Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ở cấp huyện; cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội, quỹ được giao biên chế và ngân sách nhà nước trực thuộc huyện Kỳ Sơn, thành phố Hòa Bình và các xã, phường, thị trấn thuộc diện sắp xếp lại đơn vị hành chính trong tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người được cơ quan có thẩm quyền hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Đối tượng không áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

b) Cán bộ thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ,

chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Tổ chức chính trị - xã hội.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người được cơ quan có thẩm quyền hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ còn dưới 06 tháng đến tuổi nghỉ hưu tính từ thời điểm Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có hiệu lực.

d) Cán bộ, công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

đ) Các đối tượng đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Điều kiện áp dụng: Trong quá trình sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2 Điều này có nguyện vọng xin nghỉ việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

Điều 2. Mức hỗ trợ, thời gian và kinh phí thực hiện

1. Mức hỗ trợ:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 1. Ngoài được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật còn được tỉnh hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ngoài tỉnh); mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/người.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 1; mức hỗ trợ bằng 02 tháng phụ cấp hiện hưởng/01 năm công tác đảm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã. Trường hợp thời gian công tác đảm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã có số tháng lẻ dưới 03 thì không tính; từ đủ 03 tháng đến dưới 06 tháng được tính là 1/2 năm; từ đủ 06 tháng trở lên được tính tròn là 01 năm.

2. Thời gian thực hiện:

Thời gian thực hiện chính sách được tính từ ngày 01/9/2019 đến ngày 31/12/2021.

3. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách:

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng được áp dụng tại Nghị quyết này từ nguồn ngân sách tiết kiệm do dôi dư, sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước đến hết năm 2020 đã giao cho các địa phương và cơ quan, đơn vị.

Trong trường hợp thiếu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ thì cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị ngân sách cấp trên hỗ trợ.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 10 (Kỳ họp bất thường) thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. / .*Đ*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, TH (V01b).

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh